

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2020/HN- ST

Ngày 09/12/2020

V/v: “Xin ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY N, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn N

Bà Mai Thị Nhắc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày N tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày **09** tháng **12** năm **2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 352/2020/TLST-HN ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “*xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2020/QĐXXST-HN ngày 13 tháng 11 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 326/2020/QĐST-HN ngày 26/11/2020 giữa:

*** Nguyên đơn:** Lê Thị Ánh T, sinh 1992 (có mặt)

Trú tại: Khu phố 3, phường T, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

*** Bị đơn:**

Đoàn Hoàng N, sinh 1991 (vắng mặt không có lý do)

Trú tại: Ấp A, xã An Th, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị T trình bày:

Vào năm 2013 do quen biết, nên tôi và anh N đã tiến tới hôn nhân, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Th, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới nhau chúng tôi sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chồng không lo làm ăn, từ đó chúng tôi sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với anh N.

Quá trình sống chung chúng tôi có 01 con chung tên Đoàn Hoàng Phước S, sinh 08/12/2009, con hiện đang sống với tôi, nay tôi xin nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn Đoàn Hoàng N vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ đầy đủ, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Đề nghị giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị T cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị T có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị T là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày N. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày N thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn Đoàn Hoàng N đã được Tòa án triệu tập xét xử hai lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị T, anh N kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc trong thời gian dài có con chung lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, từ đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và anh, chị đã quyết định sống ly thân cách nay khoảng 05 năm bỏ mặt cho nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh N đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh N không có thiện chí muốn trở về chung sống với chị T. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[2] Về con chung: Quá trình khởi kiện và tại phiên tòa chị T xin được nuôi cháu Đoàn Hoàng Phước S, còn anh N sau khi Tòa án thụ lý vụ án, mặc dù anh đã nhận được thông báo của Tòa án về nội dung chị T yêu cầu nhưng anh cũng không có bất cứ văn bản nào gửi Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị T về con chung và cháu S sau khi được hỏi ý kiến thì cháu cũng có nguyện vọng sống cùng chị T, nên chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp, Đối với mức cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[4] Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 81,82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ánh T. Chị Lê Thị Ánh T được ly hôn với anh Đoàn Hoàng N.

Về con chung: chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Hoàng Phước S, sinh ngày 08/12/2009, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị T, anh N được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002907 ngày 01/10/2020 là đủ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày N (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày N(1b);
- UBND xã An Th (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thanh Phong